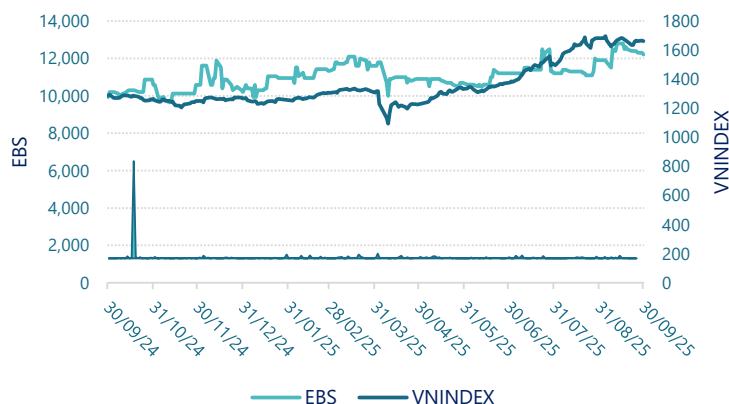


CTCP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (HNX: EBS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,646
SL cổ phiếu LH	9,965,584
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,385
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	122
P/E	7.9
EPS	1,541

DT thuần

Q3/25

21.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.40| -25.9%

YoY: ▼9.80| -31.6%

LN sau thuế

Q3/25

5.25

tỷ VNĐ

QoQ: ▲1.93| 58.2%

YoY: ▲0.79| 17.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

30.6%

+/- YoY: ▲12.6%

DT thuần

9T 2025

58.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼9.20| -13.5%

LN sau thuế

9T 2025

11.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.10| -9.2%

ROE

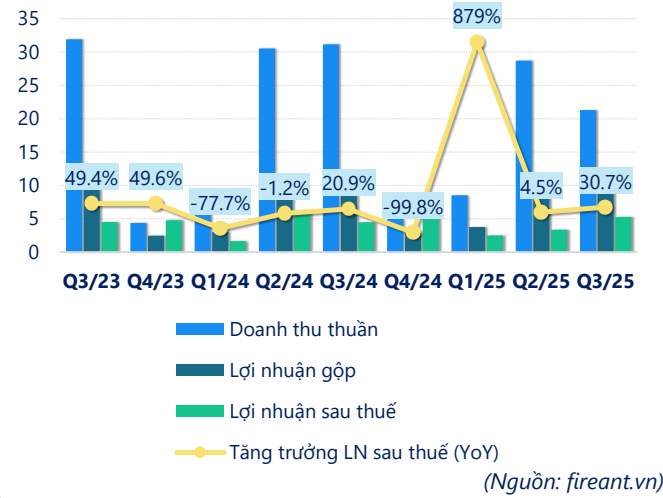
Q3/25

10.0%

+/- YoY: ▲0.7%

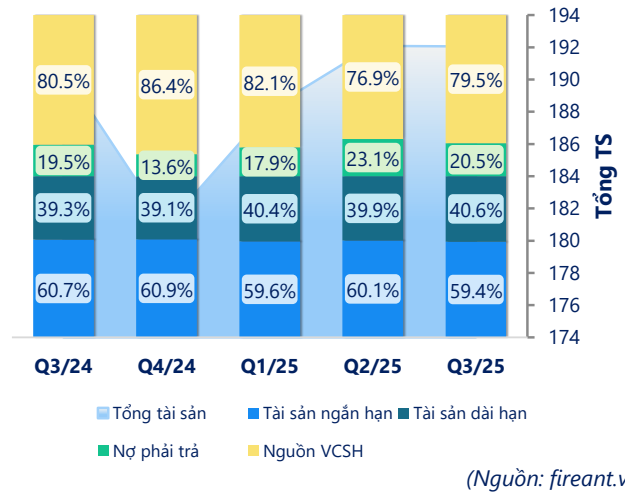
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

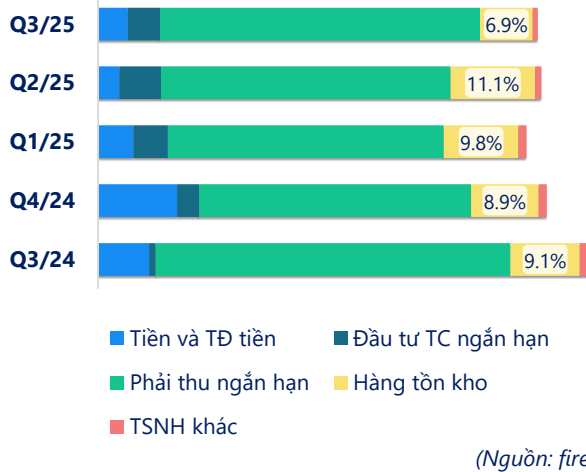


Cơ cấu Tổng tài sản

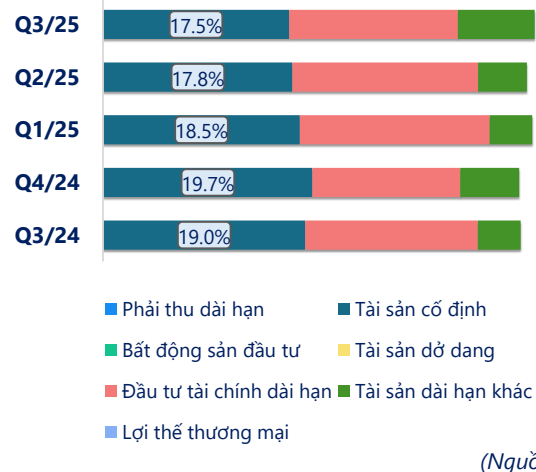
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

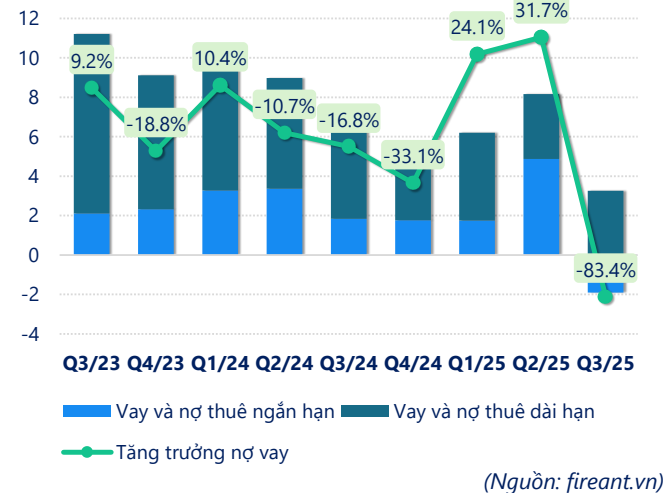


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



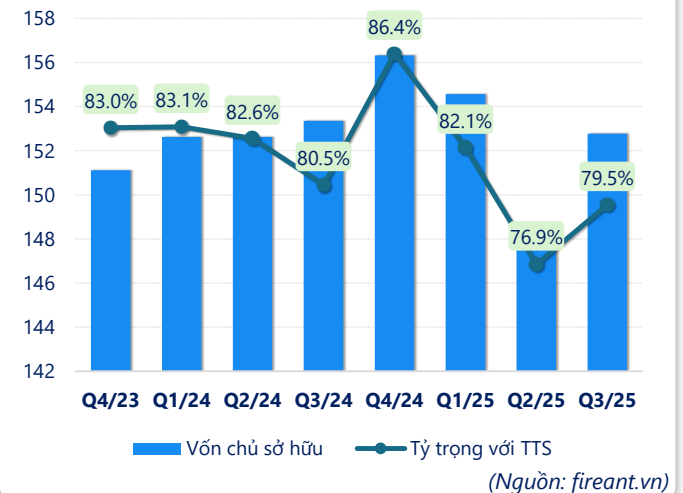
tỷ VNĐ

Nợ vay

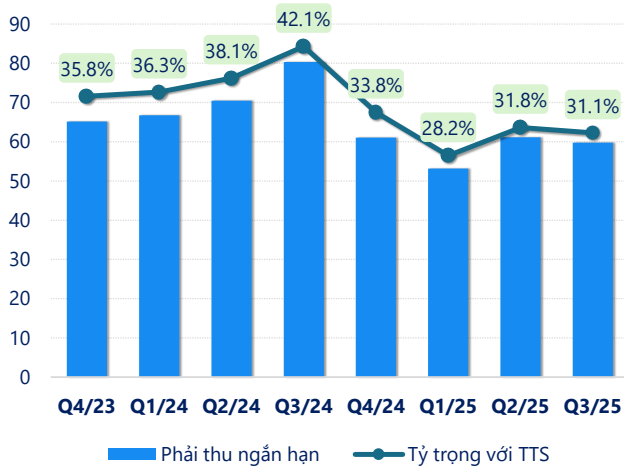


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

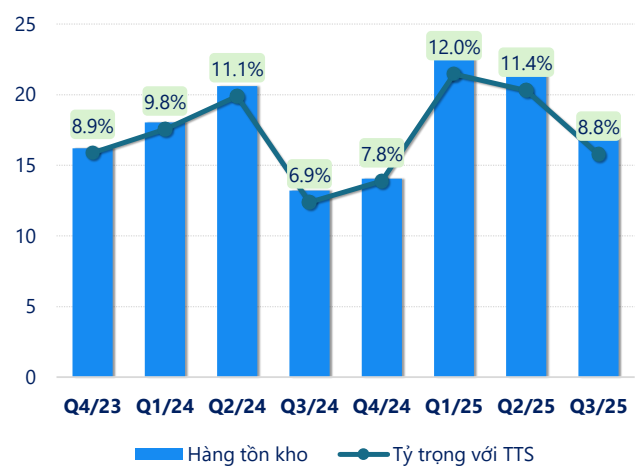


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


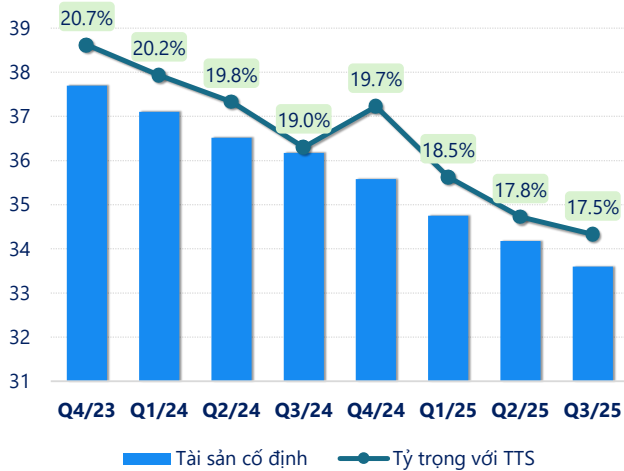
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


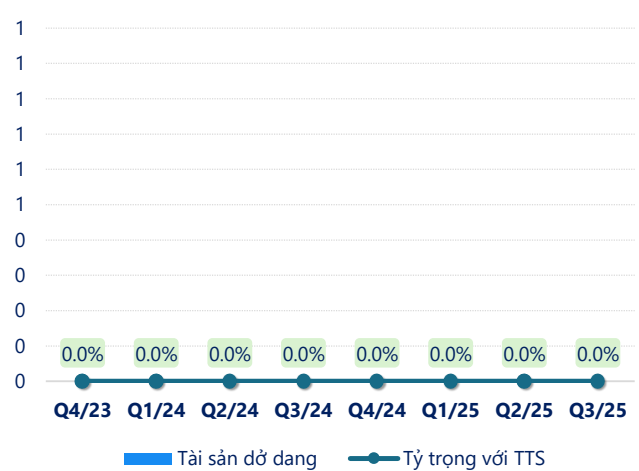
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

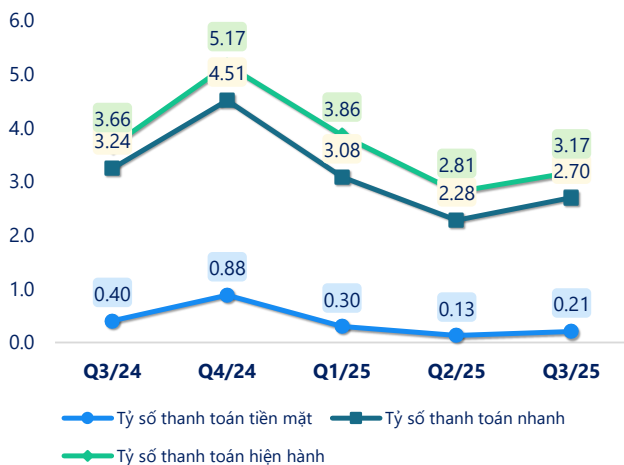
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

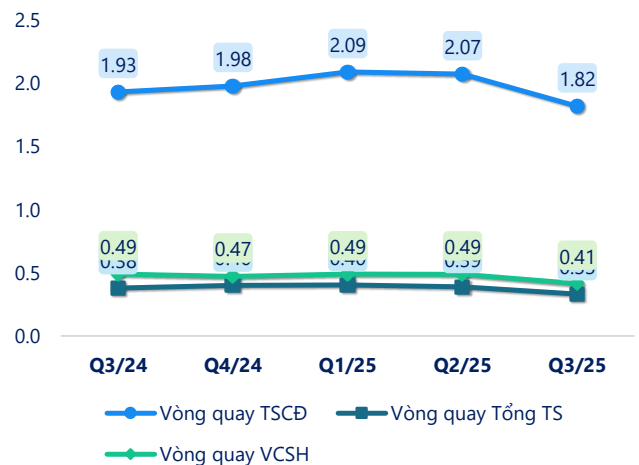
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	191	181	188	192	192
Tài sản ngắn hạn	116	110	112	116	114
Tiền và tương đương tiền	12.8	18.8	8.72	5.41	7.46
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.14	15.1	26.7	26.3	29.2
Phải thu ngắn hạn	80.3	61.1	53.1	61.1	59.8
Hàng tồn kho	13.2	14.1	22.6	21.8	17.0
Tài sản ngắn hạn khác	1.27	1.11	1.06	0.80	0.73
Tài sản dài hạn	74.9	70.8	76.0	76.6	78.0
Phải thu dài hạn	0.06	0.06	0.06	0.06	0
Tài sản cố định	36.2	35.6	34.8	34.2	33.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	30.9	25.1	33.6	33.5	30.5
Tài sản dài hạn khác	7.71	10.0	7.53	8.84	13.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	37.3	24.6	33.6	44.5	39.3
Nợ ngắn hạn	31.6	21.3	29.1	41.1	36.0
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.85	1.76	1.75	4.87	-1.90
Phải trả người bán ngắn hạn	6.52	7.12	10.8	14.7	16.4
Nợ dài hạn	5.67	3.29	4.50	3.34	3.31
Vay và nợ thuê dài hạn	5.62	3.24	4.46	3.29	3.26
Nguồn vốn chủ sở hữu	153	156	155	148	153
Vốn chủ sở hữu	153	156	155	148	153
Vốn điều lệ	102	102	102	102	102
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)